



Biểu số 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số 3047/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên danh mục dự án	Quyết định đầu tư	 Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026-2030							Kế hoạch vốn đã giao năm 2026				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026				Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh				Ghi chú					
			Tổng số	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó											
				Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách	Nguồn vốn khác		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách	Nguồn vốn khác	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách	Nguồn vốn khác									
	TỔNG SỐ		104.950	58.039,243	1.510,757	45.400	101.590,9	54.680,143	1.510,757	45.400	6.270,757	4.760,000	1.510,757		2.611,7	44,7	3.627		12.464,757	7.327,000	1.510,757	3.627,000					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025		7.650	6.139,243	1.510,757		4.290,9	2.780,143	1.510,757		4.335,6	2.824,843	1.510,757			44,700			4.290,900	2.780,143	1.510,757						
1	Sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ	10/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	5.500	3.989,243	1.510,757		4.234,5	2.723,743	1.510,757		4.235,6	2.724,843	1.510,757			1,1			4.234,5	2.723,743	1.510,757		Tiếp chi				
2	Đường điện chiếu sáng khối Huổi Cù	11/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	900	900			19,4	19,4			50	50				30,6			19,4	19,4			Tiếp chi				
3	Nhà văn hóa bản Đông	20/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	1.250	1.250			37,0	37,0			50	50				13,0			37,0	37,0			Tiếp chi				
II	Dự án Khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030		97.300	51.900		45.400	97.300	51.900		45.400	1.935,157	1.935,157			2.611,7		3.627		8.173,857	4.546,857		3.627					
1	Đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng đô thị (vía hè, cây xanh...) và bồi thường, giải phóng mặt bằng khu vực nút giao Quốc lộ 6 (Km382+640) - Quốc lộ 279 (Km0+00), xã Tuấn Giáo, tỉnh Điện Biên	2117/QĐ-UBND ngày 22/9/2026	10.200	3.400		6.800	10.200	3.400		6.800	1.935,157	1.935,157			2.612									LG vốn NS tỉnh			
2	Duy tu, sửa chữa Trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan đoàn thể	1150/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	3.000	2.000		1.000	3.000	2.000	1.000								500,000	500				500,000	500			LG vốn NS xã	
3	Sửa chữa, nâng cấp đường nội bản Chiềng Chung	1154/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	6.000	3.000		3.000	6.000	3.000	3.000							50		1.246,857	1.196,857		50				50	LG vốn CTMTQG	
4	Đường vào cụm dân Nà Bán – bản Chân	1155/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	4.500	2.000		2.500	4.500	2.000	2.500							50		800,000	750		50				50	LG vốn CTMTQG	
5	Đường vào khu sản xuất bản Khá, bản Sái	1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	6.000	2.000		4.000	6.000	2.000	4.000							50		800,000	750		50				50	LG vốn CTMTQG	
6	Đường vào khu sản xuất bản Chá	1157/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	5.000	2.000		3.000	5.000	2.000	3.000							50		800,000	750		50				50	LG vốn CTMTQG	
7	Nhà văn hóa thôn Trường Xuân	1151/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	1.700	500		1.200	1.700	500	1.200								577		777,000	200		577				577	LG vốn CTMTQGVH
8	Nhà văn hóa Bản Chá	1153/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	2.000	500		1.500	2.000	500	1.500								650		850,000	200		650				650	LG vốn CTMTQGVH
9	Nhà văn hóa Bản Cuồng	1152/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	2.400	500		1.900	2.400	500	1.900								700		900,000	200		700				700	LG vốn CTMTQGVH
10	Kê bảo vệ + Kênh thoát lũ khu dân cư bản Đông, xã Tuấn Giáo	1158/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	6.000	2.000		4.000	6.000	2.000	4.000							1.500			1.500				1.500	LG nguồn dự phòng ngân sách			
11	Sửa chữa, nâng cấp đường bản Cán, bản Sái, bản Nát, bản Khá, thôn Thảng Lợi		7.500	3.000		4.500	7.500	3.000	4.500															LG vốn CTMTQG			
12	Duy tu, sửa chữa đường thôn Trường Xuân, thôn Tân Giang, bản Đông		3.000	3.000			3.000	3.000																Đổi tên CT so với Nghị quyết			
13	Sửa chữa, cải tạo Hệ thống phòng cháy chữa cháy		1.000	1.000			1.000	1.000																			
14	Công trình bảo tồn Văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn		20.000	10.000		10.000	20.000	10.000		10.000														Thay đổi TMDT			
15	Sửa chữa, nâng cấp nhà khách UBND xã Tuấn Giáo		15.000	15.000			15.000	15.000																Thay đổi TMDT			

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN NĂM 2026-2030 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN NĂM 2026-2030 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Quyết định đầu tư	TMDT			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2026-2030				Kế hoạch vốn đã giao năm 2026				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026				Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh				Ghi chú	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Vốn NSTW		Nguồn thu tiền SD đất		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
					NSTW	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn vốn khác		NSTW	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn vốn khác		NSTW	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn vốn khác	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	Nguồn thu tiền SD đất		Nguồn vốn khác
	TỔNG CỘNG			58.600	43.850	11.500	3.250	58.600	43.850	11.500	3.250	1.927	1.927			1.927		600		2.527	1.927	600		
I	Dự án khởi công mới 2026			6.100	4.600	1.500		6.100	4.600	1.500		1.927	1.927			1.927		600		2.527	1.927	600		
1	Nhà văn hóa thôn Trường Xuân	C	1151/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	1.700	1.200	500		1.700	1.200	500		1.927	1.927			577		200		777	577	200		Điều chỉnh giảm TMDT
2	Nhà văn hóa Bàn Chá	C	1153/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	2.000	1.500	500		2.000	1.500	500						650		200		850	650	200		
3	Nhà văn hóa Bàn Cuông	C	1152/QĐ-UBND ngày 05/10/2026	2.400	1.900	500		2.400	1.900	500						700		200		900	700	200		
II	Dự án triển khai năm 2027-2030			52.500	39.250	10.000	3.250	52.500	39.250	10.000	3.250													
1	Nhà văn hóa Bàn Pha Nàng	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
2	Nhà văn hóa Bàn Mạ Khúa	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
3	Nhà văn hóa Bàn Nong Tầu	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
4	Nhà văn hóa Bàn Nát	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
5	Nhà văn hóa Bàn Cọ	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
6	Nhà văn hóa Bàn Nong Liêng	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
7	Nhà văn hóa Bàn Chiềng Chung	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
8	Nhà văn hóa bàn Sáng	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
9	Nhà văn hóa bàn Cù	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
10	Nhà văn hóa thôn Thảng Lợi	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
11	Nhà văn hóa Bàn Sáo	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
12	Nhà văn hóa bàn Sái	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
13	Nhà văn hóa bàn Giảng	C		2.500	2.250		250	2.500	2.250		250													
14	Công trình bảo tồn Văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn	C		20.000	10.000	10.000		20.000	10.000	10.000														